

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HS-ST

Ngày: 11/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vương Thị Khánh Loan

2/ Bà Huỳnh Thị Minh Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1993, tại Đồng Nai; giới tính: Nam; nơi cư trú: 63/3 khu phố 8B, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN (nay là 63/3 khu phố 8B, phường LB, tỉnh ĐN); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954 (còn sống) và bà Cao Thị L, sinh năm 1957 (còn sống); gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/4/2025, đến ngày 30/4/2025 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa hủy bỏ tạm giữ và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Vũ Văn P, sinh năm 1985; nơi cư trú: 60B/3 khu phố 8B, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN (nay là 60B/3 khu phố 8B, phường LB, tỉnh Đ); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng T là hàng xóm và có quen biết với anh Vũ Văn P, ngụ tại 60B/3, khu phố 8B, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN (nay là phường LB, tỉnh ĐN). Từ ngày 06/3/2025 đến ngày 22/4/2025, do cần tiền để giải quyết công việc nên anh P đã 02 lần vay tiền của T và T đã cho anh P vay tiền với lãi suất từ 10%/tháng đến 15%/tháng để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 06/3/2025, T cho anh P vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) với tiền lãi 1.000.000 đồng/ngày (Một triệu đồng/ngày) tương đương với lãi suất 15%/tháng và bắt đầu tính lãi từ ngày 07/3/2025. Đến ngày 10/3/2025, anh P đã trả cho T 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền lãi cho 04 ngày (từ 07/3/2025 đến 10/3/2025), anh P còn nợ T 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 04 ngày là 445.333 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), số tiền T thu lợi bất chính là 3.554.667 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Lần 02: Ngày 10/3/2025, anh P vay thêm của T 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và thỏa thuận cộng dồn với số tiền gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) anh P đang nợ T thành khoản vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) thì T đồng ý. T bắt đầu tính tiền lãi từ ngày 12/3/2025 với tiền lãi là 1.000.000 đồng/ngày (Một triệu đồng/ngày), tương đương với lãi suất 10%/tháng và yêu cầu anh P phải trả tiền lãi sau 30 ngày. Do anh P không trả lãi đúng hạn nên ngày 22/4/2025, T đến nhà anh P đòi tiền lãi và anh P đã trả cho T 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) là tiền lãi của 42 ngày (từ ngày 12/3/2025 đến 22/4/2025). Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng mà T được hưởng trong 42 ngày là 7.014.000 đồng (Bảy triệu không trăm mười bốn nghìn đồng), số tiền T thu lợi bất chính là 34.986.000 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Khi T vừa nhận tiền của anh P thì bị Công an phường TB (nay là Công an phường LB) phát hiện và lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai để điều tra, xử lý.

* Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, số imeil: 352114958432356, gắn sim số: 0944108010 của bị cáo Nguyễn Hoàng T sử dụng vào việc phạm tội;

- 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) là tiền lãi Nguyễn Hoàng T đã thu được từ hành vi phạm tội.

Cáo trạng số: 32/CT-VKSKV1-ĐN ngày 16/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai truy tố Nguyễn Hoàng T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T số tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng, về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp lại số tiền 445.333 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T trả lại cho anh Vũ Văn P 3.554.667 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của anh P.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, số imeil: 352114958432356, gắn sim số: 0944108010 của bị cáo Nguyễn Hoàng T sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 7.014.000 đồng (Bảy triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội Nguyễn Hoàng T đã thu lợi trong 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền lãi đã thu của anh Vũ Văn P.

- Trả lại cho anh Vũ Văn P 34.986.000 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) là tiền Nguyễn Hoàng T đã thu lợi bất chính trong số tiền lãi 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) T đã thu của anh P.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp lại số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) là phương tiện phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T nói lời sau cùng: Kính xin Hội đồng xét xử xem xét phạt tiền bị cáo mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về xét xử vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vũ Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 30/7/2025. Xét đơn của anh Phước hợp lệ nên chấp nhận. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh P tại phiên tòa theo quy định.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ đã đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 06/3/2025 đến ngày 22/4/2025, Nguyễn Hoàng T đã cho anh Vũ Văn P vay tiền 02 lần với mức lãi suất từ 10%/tháng đến 15%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính số tiền 38.540.667 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Đến ngày 22/4/2025 thì Nguyễn Hoàng T bị Công an phường TB (nay là Công an phường LB) phát hiện và lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Hoàng T đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật về hình sự nghiêm cấm nhưng vì nhằm mục đích thu lợi bất chính cao nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, gây ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án, tiền sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[7]. Xét thấy bị cáo Nguyễn Hoàng T có nhân thân tốt, trước khi phạm tội cũng như trong thời gian tại ngoại không phạm tội mới, có nơi cư trú ổn định, có

nhiều tình tiết giảm nhẹ và không nguy hiểm cho xã hội nên áp dụng hình phạt chính xử phạt tiền đối với bị cáo vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Hoàng T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số imeil: 352114958432356, gắn sim số: 0944108010 bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên cần thiết tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp lại số tiền 445.333 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T trả lại cho anh Vũ Văn P 3.554.667 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) là tiền đã thu lợi bất chính của anh P.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 7.014.000 đồng (Bảy triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội Nguyễn Hoàng T đã thu lợi trong 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) tiền lãi đã thu của anh Vũ Văn P.

- Trả lại cho anh Vũ Văn P 34.986.000 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) là tiền Nguyễn Hoàng T đã thu lợi bất chính trong số tiền lãi 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) T đã thu của anh P.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T đã bỏ ra số tổng số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) cho anh Vũ Văn P vay lãi nặng (Lời khai của bị cáo có tại hồ sơ bị cáo đã nhận lại toàn bộ số tiền 400.000.000 đồng từ anh Phước), đây là phương tiện phạm tội trong vụ án nên cần thiết buộc bị cáo T phải nộp lại toàn bộ số tiền trên để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Không.

[10]. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 35; Điều 47; Điều 48; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 45, 106, 135, 136, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, số imeil: 352114958432356 (cũ không kiểm tra tình trạng máy bên trong) của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 7.014.000 đồng (Bảy triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội Nguyễn Hoàng T đã thu lợi trong số tiền 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) T đã thu của anh Vũ Văn P.

- Trả lại cho anh Vũ Văn P 34.986.000 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) là tiền Nguyễn Hoàng T đã thu lợi bất chính trong số tiền lãi 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) T đã thu của anh P.

(Theo Biên bản giao vật chứng, tài sản ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai; Phiếu hạch toán nộp tiền mặt ngày 28/7/2025 và Giấy nộp tiền mặt ngày 28/7/2025 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai).

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T trả lại cho anh Vũ Văn P số tiền 3.554.667 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) là tiền T đã thu lợi bất chính của anh P.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp lại số tiền 445.333 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp lại số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) là phương tiện phạm tội trong vụ án sung vào Ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Không.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

5. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định. Riêng anh Vũ Văn P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn